

Số: 06/DBTH-ĐĐT

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 6 năm 2026

BẢN TIN
DỰ BÁO KTTV THÁNG 6 NĂM 2026
(Từ ngày 01/6 đến ngày 30/6/2026)

I/ TÓM TẮT TÌNH HÌNH KTTV THÁNG 05/2026:

I.1 Khí tượng:

Thời tiết trong tháng 05/2026 vừa qua, khu vực tỉnh Đồng Tháp nằm ở rìa phía nam áp cao lạnh lục địa và rìa đông nam áp thấp nóng phía tây, khoảng tuần cuối áp cao lạnh suy yếu, áp thấp nóng phía tây hoạt động mạnh dần và mở rộng về phía đông nam. Trên cao, áp cao cận nhiệt đới có trục qua Trung Bộ - Nam Bộ, riêng từ 15/5 trở đi hoạt động suy yếu. Từ khoảng 15/5 gió tây đến tây nam hoạt động ổn định dần trên khu vực. Những ngày cuối tháng khu vực chịu ảnh hưởng của rãnh thấp đi qua với vùng nhiễu động hoạt động trên vùng biển phía đông Nam Bộ. Gió Tây Nam hoạt động với cường độ trung bình đến mạnh.

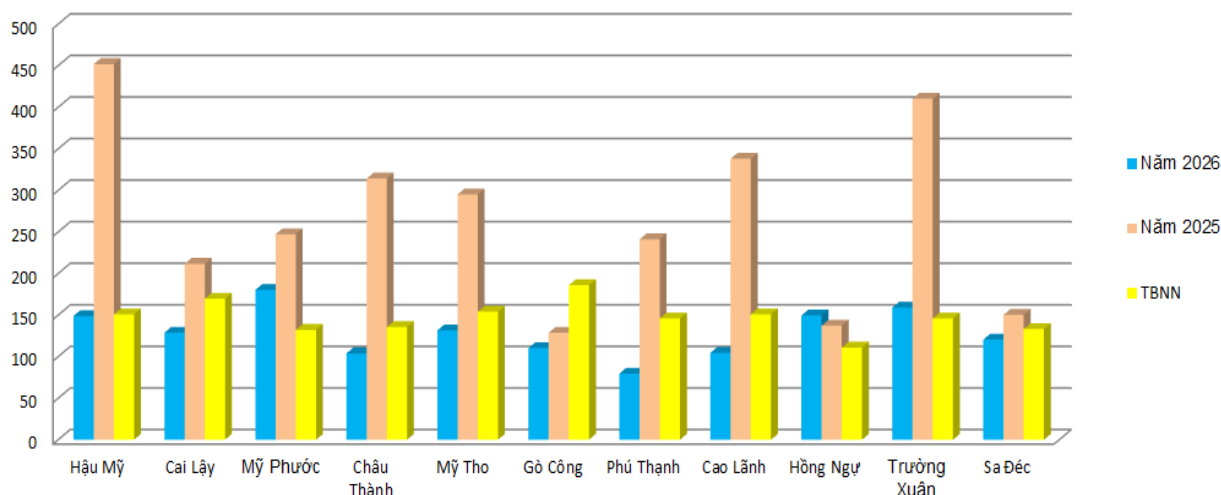
***Thời tiết trên đất liền:** Trời mây thay đổi, ngày nắng nóng, giai đoạn đầu và giữa tháng nắng nóng vẫn xảy ra cục bộ và giảm dần vào cuối tháng (Nhiệt độ cao nhất: 37,4⁰C- Ngày 09/05). Trong nửa đầu tháng các nơi trong tỉnh có mưa vài nơi, cục bộ có nơi mưa vừa, nửa cuối tháng các nơi có mưa rào và dông rải rác đến nhiều nơi, cục bộ có nơi mưa vừa, riêng ngày 19 xảy ra mưa rào và dông ở diện vài nơi (Ngày 05-Trường Xuân: 50,2mm, Ngày 09-Tràm Chim: 28,2mm; Ngày 10-Hồng Ngự: 36,2mm, Ngày 20-Đốc Vàng Hạ: 25,4mm, Mỹ Phước: 32,2mm; Ngày 21-Thường Thới Hậu: 53,2 mm, Đốc Vàng Hạ: 33,0 mm; Lai Vung: 31,6 mm, Cai Lậy: 29,5mm; Ngày 24-Mỹ Tho: 49,5mm, Ngày 29-Tràm Chim: 47,6mm, Trường Xuân: 51,8mm, Hậu Mỹ Bắc: 40,4mm, Vàm Kênh: 51,0mm; Ngày 30-Hồng Ngự: 35,6mm, Lấp Vò: 46,8mm, Lai Vung: 50,8mm, Hậu Mỹ Bắc: 41,0 mm). Mùa mưa đã bắt đầu từ nửa cuối tháng 5.

***Thời tiết trên vùng biển Đồng Tháp:** Có mưa vài nơi. Gió Tây Nam cấp 3-4, có lúc cấp 5.

- **Nhiệt độ trung bình:** 30,0⁰c cao hơn cùng kỳ năm ngoái 0,7⁰c.
- **Nhiệt độ cao nhất:** 37,4⁰c (ngày 09/05) cao hơn cùng kỳ năm ngoái 0,5⁰c.
- **Nhiệt độ thấp nhất:** 24,5⁰c (ngày 31/05) cao hơn cùng kỳ năm ngoái 0,8⁰c.
- **Lượng mưa:** Tổng lượng mưa 118,0 mm, phổ biến ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm khoảng 40,0mm và cùng kỳ năm 2025 khoảng 70,0mm.

**BIỂU ĐỒ TỔNG LƯỢNG MƯA THÁNG 5 TẠI MỘT SỐ TRẠM
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Lượng mưa (mm)



I.2 Thủy văn:

Trong tháng 5, mực nước các nơi trong tỉnh tiếp tục chịu ảnh hưởng chính của thủy triều biển Đông, mực nước cao nhất tháng xuất hiện trong khung thời gian từ ngày 19-21/5, mực nước thấp nhất tháng xuất hiện vào khoảng nửa cuối tháng. Nhìn chung mực nước tại các nơi trong Tỉnh ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2025 khoảng từ 0.1 đến 0.2 m.

Mực nước cao nhất, thấp nhất thực đo trong tháng như sau:

Số TT	Trạm	Đặc trưng	Ngày xuất hiện	Mực nước (cm)	So với cùng kỳ năm 2025 (cm)
1	Hồng Ngự	Hmax	20	150	Cao hơn 6
		Hmin	24	-38	Cao hơn 14
2	Tràm Chim	Hmax	22	123	Cao hơn 13
		Hmin	26	39	Cao hơn 9
3	Trường Xuân	Hmax	22	108	Thấp hơn 15
		Hmin	26	34	Cao hơn 3
4	Mỹ An	Hmax	21	106	Thấp hơn 15
		Hmin	26	11	Cao hơn 8
5	Hậu Mỹ Bắc	Hmax	21	104	Thấp hơn 15
		Hmin	27	34	Thấp hơn 1
6	Cao Lãnh	Hmax	20	153	Thấp hơn 3
		Hmin	19	-93	Thấp hơn 4
7	Sa Đéc	Hmax	19	145	Thấp hơn 13
		Hmin	19	-108	Thấp hơn 16
8	Cai Lậy	Hmax	20	115	Thấp hơn 9
		Hmin	30	-38	Cao hơn 2
9	Long Định	Hmax	19	111	Xấp xỉ
		Hmin	31	-87	Thấp hơn 5
10	Mỹ Tho	Hmax	19	157	Cao hơn 2
		Hmin	19	-193	Thấp hơn 5

11	Vàm kênh	Hmax	19	129	Thấp hơn 1
		Hmin	18	-230	Thấp hơn 4

II/ DỰ BÁO KTTV THÁNG 6/2026

II.1. Khí tượng:

II.1.1. Thời tiết trên đất liền:

Xu thế thời tiết khu vực Đồng Tháp trong tháng: Áp thấp nóng phía tây hoạt động ở phía đông nam Trung Quốc và phía bắc nước ta nhưng cường độ không mạnh. Trên cao, áp cao cận nhiệt đới hoạt động yếu trong tuần đầu, tuần giữa và cuối lần tây và hạ trục xuống phía nam. Thời tiết trong Tỉnh chịu ảnh hưởng chính bởi rìa phía đông nam vùng áp thấp nóng phía tây tăng thấp kết hợp với hoạt động của áp cao cận nhiệt đới trên cao. Gió tây đến tây nam có cường độ yếu đến trung bình trên khu vực Nam Bộ.

- **Nhiệt độ trung bình:** 28,5⁰c ở mức cao hơn TBNN từ 0,5-1,0 độ C.

- **Nhiệt độ cao nhất:** 30-34 độ C.

- **Nhiệt độ thấp nhất:** 24-26 độ C.

- **Lượng mưa:** Tổng lượng mưa trong tháng 6 từ 160-240 mm tăng so với tháng 5, phổ biến xấp xỉ TBNN. Số ngày mưa phổ biến từ 15-25 ngày. Mùa mưa có khả năng bắt đầu từ nửa cuối tháng 5.

II.1.2. Thời tiết vùng biển Đồng Tháp:

Có mưa rào và dông vài nơi. Gió Tây Nam cấp 3-cấp 4.

- **Cảnh báo thời tiết nguy hiểm:**

+Đề phòng mưa dông có thể gây lốc, sét, gió giật mạnh.

- **Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội:**

+ Đề phòng mưa dông kèm theo lốc, sét có thể gây lốc, sét, gió giật mạnh, gây nguy hiểm cho người, thiệt hại tài sản.

Dự báo nhiệt độ, lượng mưa thời đoạn 10 ngày tháng 06/2026

Khu vực dự báo	Thời kỳ 01-10		Thời kỳ 11-20		Thời kỳ 21-30		Cả thời kỳ	
	Ttb(⁰ c)	TLM (mm)	Ttb(⁰ c)	TLM (mm)	Ttb (⁰ c)	TLM (mm)	Ttb(⁰ c)	TLM (mm)
Hậu Mỹ	27.5-29.5	60-90	27.3-29.3	65-95	27.6-29.6	50-80	27.5-29.5	150-250
Cai Lậy	27.5-29.5	70-100	27.2-29.2	65-95	27.6-29.6	60-90	27.5-29.5	160-260
Tân Phước 1	27.5-29.5	70-100	27.4-29.4	70-100	27.5-29.5	50-80	27.5-29.5	150-250
Châu Thành	27.5-29.5	50-80	27.5-29.5	55-85	27.4-29.4	40-70	27.5-29.5	130-230
Mỹ Tho	27.5-29.5	60-90	27.5-29.5	55-85	27.3-29.3	50-80	28.0-30.0	150-250
Gò Công	27.4-29.4	70-100	27.2-29.2	60-90	27.4-29.4	55-80	27.6-29.6	170-270
Tân Phú Đông	27.5-29.5	50-90	27.5-29.5	55-85	27.4-29.4	45-80	27.4-29.4	130-230
Cao Lãnh	28.0-30.0	60-90	28.0-30.0	65-95	27.5-29.5	50-80	28.0-30.0	160-260
Sa Đéc	27.5-29.5	70-110	27.5-29.5	70-100	27.0-29.9	60-90	27.4-29.4	170-270
Trường xuân	28.0-30.0	70-110	28.0-30.0	70-100	27.0-29.0	60-90	28.0-30.0	170-270
Hồng Ngự	28.0-30.0	70-110	28.0-30.0	70-100	27.8-29.8	60-90	28.0-30.0	170-270

II.2.Thủy văn:

Trong tháng 6, mực nước tại các nơi trong Tỉnh chịu ảnh hưởng chính của thủy triều biển Đông. Mực nước các nơi trong Tỉnh đạt mức cao nhất tháng vào khoảng giữa tháng; vào ngày 16-17/6, mực nước thấp nhất tháng cũng xuất hiện vào khoảng ngày 15-17/6. Nhìn chung mực nước trong tháng 6 tại các nơi trong Tỉnh ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2025 khoảng từ 0.1 đến 0.2 m.

Dự báo mực nước cao nhất, thấp nhất trong tháng như sau:

Số TT	Trạm	Đặc trưng	Ngày xuất hiện	Mực nước (cm)	So với cùng kỳ năm 2025 (cm)
1	Hồng Ngự	Hmax	17	155	Thấp hơn 17
		Hmin	17	-50	Thấp hơn 24
2	Tràm Chim	Hmax	17	130	Cao hơn 25
		Hmin	17	30	Bằng
3	Trường Xuân	Hmax	17	110	Cao hơn 6
		Hmin	17	15	Thấp hơn 21
4	Mỹ An	Hmax	17	110	Thấp hơn 1
		Hmin	17	5	Cao hơn 3
5	Hậu Mỹ Bắc	Hmax	17	113	Thấp hơn 3
		Hmin	16	35	Cao hơn 1
6	Cao Lãnh	Hmax	17	150	Thấp hơn 4
		Hmin	17	-110	Thấp hơn 15
7	Sa Đéc	Hmax	17	140	Thấp hơn 4
		Hmin	17	-120	Thấp hơn 16
8	Cai Lậy	Hmax	17	115	Cao hơn 7
		Hmin	16	-55	Thấp hơn 6
9	Long Định	Hmax	17	106	Cao hơn 10
		Hmin	16	-100	Thấp hơn 8
10	Mỹ Tho	Hmax	17	135	Cao hơn 17
		Hmin	16	-220	Thấp hơn 7
11	Vàm kênh	Hmax	17	113	Cao hơn 6
		Hmin	16	-240	Thấp hơn 7

- **Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo:**

Ít có khả năng xuất hiện.

- **Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội:**

Một số vùng thấp, vùng bãi bồi, vùng không có đê bao bị ngập

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy DT;
- UBND DT;
- Ban chỉ huy PTDS DT;
- Sở NN&MT DT;
- Chi cục Thủy lợi DT;
- Bảo&Đài THĐT;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Khương Lê Bình

PHỤ LỤC 1: LƯỢNG MƯA NGÀY (mm)

Ngày	Hậu Mỹ	Cai Lậy	Tân Phước 1	Mỹ Tho	Châu Thành	Gò Công	Tân Phú Đông	Cao Lãnh	Trường Xuân	Sa Đéc	Hồng Ngự
1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	-	-	-	-	-	-	-	6	-	-	1
3	-	-	-	-	-	-	-	0,1	-	2	17
4	-	-	4,2	-	-	8,4	-	0,1	13,6	0,4	10,2
5	-	-	-	-	-	-	-	2,3	50,2	1	1,8
6	-	-	11,2	-	0,8	1,2	-	-	3,7	6	-
7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	-	7	0,2	-	-	-	-	-	-	0,2	1
10	-	-	-	-	-	-	-	5,8	0,6	-	36,2
11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	-	-	-	-	-	-	-	16,4	-	-	0,6
14	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	-	-	-	19	0,2	-	-	-	-	-	-
16	0,2	2,2	4,6	19,2	0,4	-	-	-	-	-	-
17	-	2	2,4	-	4	16	38,4	9,1	0,2	-	-
18	-	34	-	-	-	8,2	-	3,4	4,2	-	1
19	11,2	3	4,2	-	4,2	14,8	4	6,6	-	5	2,4
20	5,2	26,2	9,4	-	-	-	4,2	-	2,2	10,2	-
21	26,4	29,5	37	3,5	8,8	9,6	-	8,6	5,3	9,8	6,2
22	-	-	-	-	-	-	-	0,3	1,9	-	-
23	3,4	-	-	-	-	-	-	-	3	16	-
24	0,8	-	22,2	49,5	23,4	-	-	-	-	-	-
25	0	-	0,2	3	7,8	8	9	-	-	-	-
26	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
27	-	-	-	2	0,4	7,4	-	-	-	-	-
28	48,4	7	-	-	-	0,2	-	-	-	-	10
29	40,4	9	68,6	8	5,2	10,8	18,4	13,1	51,8	8	21,4
30	41	6	1,4	-	0,4	0,8	-	22,2	17,4	44,2	35,6
31	2,4	2,8	14,6	38	19,4	24,8	-	10,5	4,9	17,6	5
Tổng cộng	179,4	128,7	180,2	142,2	75	110,2	74	104,5	159	120,4	149,4